

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 217 /NMĐTB2-KTATMT

Hưng Yên, ngày 05 tháng 02 năm 2026

V/v đề nghị cung cấp báo giá danh mục tài sản
và công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất –
NMNĐ Thái Bình 2.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu mua sắm tài sản và công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hóa nêu trên. Do đó, Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc: Như phụ lục 01, phụ lục 02, phụ lục 03 đính kèm.
- Thời gian và thời điểm hoàn thành cung cấp hàng hóa như sau:
 - ✓ Thời gian hoàn thành cung cấp hàng hóa là 90 ngày;
 - ✓ Thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ: Trong Quý II/2026
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: **60 ngày kể từ ngày báo giá.**
- Thời gian gửi báo giá: Trước 15h00 ngày 09/03/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Võ Thành Thoại, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0932452383; Email: thoaivt@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GD NM (để b/c);
- Phòng: KHTC, TM (để p/h);
- Lưu: VT, KTATMT (V.T.T: 01b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 257/CV-KTATMT/2026



Phụ lục 1: công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số 217/NMDTB2 - KTATMT ngày 05 tháng 02 năm 2026)

Stt	Mã chuẩn hóa	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	83202007	Máy khoan điện cầm tay 800W	Đường kính khoan bê tông: 20 / 13 mm Tốc độ không tải: 0 - 1000 / 3000 vòng/phút Khả năng của đầu cặp: 1,5 - 13 mm Đường kính khoan thép: 13 / 8 mm Công suất 800W Tốc độ định mức: 0 - 600 / 2200 vòng/phút Trọng lượng không tính cặp: 2,2 kg Tỷ lệ va đập ở tốc độ không tải: 0 - 16000 / 48000 bpm Ren nối trục chính máy khoan: 1/2" - 20 UNF Đường kính khoan gỗ: 40 / 25 mm	Bosh	Bộ	3	
2	83242036	Đầu chuyển đổi (Hex reducer) cho Cờ lê thủy lực PXD-8	Hex reducer (HR 8 - 80- 75)		Cái	1	
3	83444017	Cáp vải tròn	Tải trọng 2 tấn Chiều dài 1m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
4	83555016	Thùng tôn đựng tài liệu	D78*R42*C35		Cái	5	
5	87570001	Ampe kim	TYPE: Fluke 303 ACA kim cứng: 600A /0.1 A /2% ± 5 digits ACA kim mềm (optional): 2500A /0.1 A /3% ± 5 digits DCA: 600A /0.1 A /2% ± 5 digits ACV: 600V /0.1 V /1.5% ± 5 digits DCV: 600V /0.1 mV /1% ± 5 digits R: 60,000 Ω /0.1 Ω /1% ± 5 digits F: 500 Hz /0.1 Hz /0.5% ± 5 digits C: 1 μF to 1000 μF /1 μF /1% ± 4 digits	Fluke	Bộ	1	
6	83292065	Bộ cáo vòng bi trong	Model: TMMD100 Nhãn hiệu: SKF SIZE: Đường kính trục nằm trong khoảng từ 10 đến 100 mm	SKF	Bộ	2	
7	83292066	Bộ cáo thủy lực	Bộ cáo thủy lực SKF Model: TMHC 110E Tải trọng cáo 100 kN Hành trình bơm lớn nhất: 80 mm (3.1 in) Nhãn hiệu: SKF Bao gồm: Một giá đỡ lắp tay cáo 3 tay cáo, set 1 (TMHP10E-9) 3 tay cáo, set 2 (TMHP10E-10) 1 bộ phân tách 1 bộ thanh ngang 2 trục chính chống tâm 2 x thanh mở rộng, 125 mm (4.9 in) 1 bơm thủy lực TMHS 100 2 x mảnh mở rộng cho trục chính thủy lực; 50, 100 mm (2,0, 3,9 in)	SKF	Bộ	2	
8	34423016	Đồng hồ vạn năng	Model: Kyoritsu KEW 1062	Kyoritsu	Cái	1	Serial no: 8360728;8360725;8365229;8365228;8365220
9	83242099	Bộ tuýp 50 chi tiết hệ mét	Kingtony Model: 3050MR - 4 đầu tuýp lực giác dài 8, 10, 12, 13mm - 14 đầu tuýp 12 cạnh 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22mm - 7 cái vòng miếng 8, 10, 12, 13, 14, 17, 19mm - 7 chia lực giác 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10mm - 1 vít dẹp 5.5 x 100mm - 1 vít bẻ 2 x 100mm - 7 đầu vít sao T15, T20, T25, T30, T40, T45, T50 - 2 đầu nối 75, 150mm - 1 đầu tuýp bóng dài	Kingtony	Bộ	2	

10	87390009	Tủ điện thi công	Tủ Điện Thi Công SAE 3P 250A (DB-CONS-V20) Kích thước: H700 x W500 x D250mm (chân cao 300) mm Mã hàng: DB-CONS-V20 Đầu vào: 3P+N 250A Đầu ra: 6 Out 3P+PE (32A, IP44), 6 Out 1P+N (16A, IP44)	SEA	Bộ	5	
11	87390010	Tủ điện thi công	Tủ điện thi công SAE V15.1 3P 100A chống giật, Ổ cắm IP67 Kích thước: H600 x W400 x D250 (chân cao 300) mm Mã hàng: DB-CONS-V15.1 Đầu vào: 3P+N 100A Đầu ra: 3 Socket 3P+N+PE 32A (32A, IP67), 3 Socket 1P+N (16A, IP67)	SEA	Bộ	5	
12	36288003	Đồng hồ vạn năng kiểm tra đầu dò máy động	Fluke 233 True RMS	Fluke	Bộ	1	
13	36288005	Đồng hồ vạn năng 2000A	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 2000A Dải đo: DC V: 340.0mV / 3.400 / 34.00 / 340.0 / 600V (Trở kháng đầu vào: 10MΩ) ± 1,5% rdg ± 4dgt AC V: 3.400 / 34.00 / 340.0 / 600V (Trở kháng đầu vào: 10MΩ) ± 1,5% rdg ± 5dgt [50 - 400Hz] DC A: 60.0A ± 2% rdg ± 5dgt AC A: 60.0A ± 2% rdg ± 5dgt (50 / 60Hz) Ω: 340.0Ω / 3.400 / 34.00 / 340.0kΩ / 3.400 / 34.00MΩ ± 1% rdg ± 3dgt (0 - 340kΩ) ± 5% rdg ± 5dgt (3.4MΩ) ± 15% rdg ± 5dgt (34MΩ) Bộ rung liên tục: Âm rung dưới 30 ± 10Ω (Bộ rung liên tục chỉ hoạt động trên phạm vi 340Ω) Kích thước: 128 (L) × 87 (W) × 24 (D) mm Trọng lượng: 210g. (bao gồm cả pin)	Kyoritsu	Cái	1	
14	83242102	Bộ tuýp hệ mét 33 chi tiết	Kingtony 4034MR- 24 đầu tuýp 8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17, 18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29 , 30 mm- 3 căn nối- 1 căn xiết tự động- 1 căn xiết đảo chiều- 1 đầu lắ kéo- 1 căn chữ T- 1 đầu tuýp 12 cạnh dài- 1 đầu tuýp lục giác dài- Kích thước: 476 x 282 x57 mm	Kingtony	Bộ	2	
15	83242103	Bộ dụng cụ đồ nghề 52 chi tiết	902-052MR, Kingtony	Kingtony	Bộ	3	
16	83292067	Bộ tuýp lục giác 1/2	Koken RS4012M/10-L60	Koken	Bộ	3	
17	86584055	Máy đo độ rung cầm tay	RION VM-82A - Dải đo (với cảm biến gia tốc PV-57I được cung cấp theo máy): + Gia tốc rung: 0.02 tới 200 m/s2 EQ PEAK 1 Hz tới 5 kHz + Vận tốc rung: 0.3 tới 1000 mm/s RMS 3 Hz tới 1 kHz/ 0.1 tới 1000 mm/s RMS 10 Hz tới 1 kHz + Độ dôi rung: 0.02 tới 100 mm EQ PEAK 3 Hz tới 500 Hz/ 0.001 tới 100 mm EQ PEAK 10 Hz tới 500 Hz - Dải tần số đo: + Gia tốc: 3 Hz to 1 kHz, 3 Hz to 5 kHz, 1 Hz to 100 Hz, 3 Hz tới 20 kHz + Vận tốc: 10 Hz tới 1 kHz, 3 Hz tới 1 kHz + Độ dôi: 10 Hz tới 500 Hz, 3 Hz tới 500 Hz - Các đặc tính được hiển thị: + Vận tốc: EQ PEAK, RMS + Gia tốc: RMS, EQ PEAK + Độ dôi: EQ PEAK, EQ-p, RMS, - Phụ kiện kèm theo: Máy chính VM-82A, Cảm biến rung PV-57I, VP-53S, IEC LR6 (size AA) pin x 4, Vò đựng, HDSD.	RION	Bộ	3	
18	82553019	Kim mở phe	Bộ kim mở phe 4 chi tiết (từ , matadoor 8164 1 kim mở phe trong mũi thẳng 40 – 100 mm 1 kim mở phe trong mũi cong 40 – 100 mm 1 kim mở phe ngoài mũi thẳng 40 – 100 mm 1 kim mở phe ngoài mũi cong 40 – 100 mm	matadoor	Bộ	1	
19	81086098	Mô cắt Gas - Ôxy TANAKA MK K251	Mô cắt sử dụng béc trộn khí (acetylen hoặc gas) giúp cho quá trình cắt chính xác, kinh tế và an toàn. - Độ dày cắt: 3 – 250mm - Chiều dài: 495mm, đầu mở 75 ° / 90 ° - Trọng lượng: 1kg - Các loại khí có thể dùng: Acetylen, Propan (Gas), ...	TANAKA	Bộ	5	

20	83242025	- Máy siết bu lông Milwaukee M18 FIW212-0X0	- Máy siết bu lông Milwaukee M18 FIW212-0X0 Thông số Tốc độ không tải: 0-900/1650/2400/1200 vòng/phút Lực siết tối đa: 0-1000/2400/3500l/p Đường kính ốc máy: M18 Trọng lượng: 1,1kg Điện áp pin: 18V Cỡ đầu vận: 12,7mm(1/2") Phụ kiện đi kèm: Bao gồm hộp đựng, pin và sạc	Milwaukee	Bộ	5	
21	83242024	- Thân máy siết bu lông Milwaukee M18 ONEFHIWF34-0X	- Thân máy siết bu lông Milwaukee M18 ONEFHIWF34-0X Thông số Tốc độ không tải: 0-800/0-1300/0-1800/0-1800 vòng/phút Lực siết tối đa: 1627-2032Nm Đường kính ốc máy: M33 Trọng lượng: 3,5kg Điện áp pin: 18V Cỡ đầu vận: 19mm(3/4") Phụ kiện đi kèm: Bao gồm hộp đựng, pin và sạc	Milwaukee	Bộ	5	
22	83242105	- Máy siết bu lông Milwaukee M18 ONEFHIWF1D-0C0	- Máy siết bu lông Milwaukee M18 ONEFHIWF1D-0C0 Thông số: Tốc độ không tải: 0-600/0-700/0-900/0-1200 vòng/phút Lực siết tối đa: 1180/1254/1996/2576Nm Đường kính ốc máy: M48 Trọng lượng: 12,34kg Điện áp pin: 18V Cỡ đầu vận: 25,4mm(1") Phụ kiện đi kèm: Bao gồm hộp đựng, pin và sạc	Milwaukee	Bộ	5	
23	83202016	- Máy khoan vận vít dùng pin	- Máy khoan vận vít dùng pin Dewalt DCD708N-KR Thông số Đầu cấp: 1,5-13mm Năng lượng va đập: 65/26Nm Tốc độ không tải: 0-450/1650 vòng/phút Điện áp pin: 18V Kích thước: 215x170mm Trọng lượng: 1,7 kg Khả năng khoan: Thép (10mm), Gỗ (30mm), Tường (13mm) phụ kiện kèm theo: Móc treo, hộp đựng, pin và sạc	Dewalt	Bộ	5	
24	83585056	Máy mài góc dùng pin;	Bosch GWS 18V-11 S – 1100W (06019N4000) Đường kính lưỡi cắt: 125mm Điện áp pin: 18V Phụ kiện kèm theo: hộp đựng, 2 pin và 01 sạc NSX: Bosch/China	Bosch	Cái	5	
25	83585057	- Máy mài góc	- Máy mài góc Bosch GWS 900-100S 100mm (06013961K0) Thông số Công suất: 900W Đường kính lưỡi cắt: 100mm Đường kính lỗ lắp trục: M10 Tốc độ không tải: 2800-11000 vòng/phút Tính năng: Điều chỉnh tốc độ Trọng lượng: 1,9kg Kích thước: 280x73x100mm Phụ kiện đi kèm: Tay nắm phụ, Vòng chắn bảo vệ 1 605 510 224, Chia vận, Hộp các tông Công tác: Trượt/Cạnh	Bosch	Bộ	5	
26	83585078	- Máy mài góc Bosch GWS 13-125 CI 125mm 1300W (6017900)	- Máy mài góc Bosch GWS 13-125 CI 125mm 1300W (6017900) Thông số Công suất: 1300W Đường kính lưỡi cắt: 125mm Đường kính lỗ lắp trục: M14 Tốc độ không tải: 11500 vòng/phút Trọng lượng: 2,3kg Kích thước: 103x297mm Phụ kiện đi kèm: Bịch lông (số hiệu phụ tùng 2 605 703 014), Đai ốc hãm 1 603 340 040, Vòng chắn bảo vệ 1 605 510 365, Chia vận hai lỗ 1 607 950 043, Tay nắm phụ Kiểm soát rung 2 602 025 171 Công tác: Trượt/Cạnh		Cái	6	
27	83585080	- Máy mài góc Bosch GWS 24-180 (06018C20K0)	- Máy mài góc Bosch GWS 24-180 (06018C20K0) Thông số Công suất: 2400W Đường kính lưỡi cắt: 180mm Đường kính lỗ lắp trục: M14 Tốc độ không tải: 8500 vòng/phút Trọng lượng: 5,7kg Kích thước: 473x193x138mm Phụ kiện đi kèm: Chia vận hai lỗ 1 607 950 061, Bịch lông (số hiệu phụ tùng 2 605 703 014), Đai ốc hãm 1 603 345 043, Hộp băng bìa cứng, Vỏ bảo vệ 1 619 P15 622, Tay nắm phụ (1 602 025 030) Công tác: Trượt/Cạnh	Bosch	Cái	5	

28	83585079	Máy mài góc Bosch GWS 24-230 (06018C30K0)	- Máy mài góc Bosch GWS 24-230 (06018C30K0) Thông số Công suất: 2400W Đường kính lưỡi cắt: 230mm Đường kính lỗ lắp trục: M14 Tốc độ không tải: 6500 vòng/phút Trọng lượng: 5,1kg Kích thước: 110x480x140mm Phụ kiện đi kèm: Chia vận hai lỗ 1 607 950 061, Bích lỏng (số hiệu phụ tùng 2 605 703 014), Đai ốc hãm 1 603 345 043, Hộp băng bia cứng, Vỏ bảo vệ 1 619 P15 622, Tay nắm phụ (1 602 025 030) Công tác: Trượt/Cạnh	Bosch	Cái	2	
29	85590017	Thước cặp điện tử 0-600mm	Thước cặp điện tử Mitutoyo 500-506-10 Thông số Khoảng đo: 0-600mm/0-24" Độ chia nhỏ nhất: 0,01mm/0,0005" Độ chính xác: ±0,05mm Hệ đo: mm/inch	Mitutoyo	Bộ	1	
30	85590016	Thước cặp du xích Mitutoyo 530-119	Thước cặp du xích Mitutoyo 530-119 Thông số Khoảng đo: 0-300mm/0-12" Độ chia nhỏ nhất: 0,02mm/0,001" Độ chính xác: ±0,04mm Hệ đo: mm/inch Kích thước: 140x440x20mm Trọng lượng: 460g	Mitutoyo	Cái	3	
31	85060001	Thước đo lỗ sâu điện tử	Mitutoyo 571-213-30 (0-300mm/12") Phạm vi đo: 0-300mm Độ hiển thị 0.01mm Sai số: ±0.03 mm	Mitutoyo	Cái	1	
32	83292070	Bộ đầu chụp lực giác chìm với hệ mét, 12 cây	770-KINMK Bộ đầu vít lực giác hệ mét 12 món ELORA 770-KINMK, từ 4 – 19mm, 1/2 inch. Loại tuýp ngắn, lực lạng ngắn. Đầu socket đáp ứng tiêu chuẩn: DIN 3120-C 12,5, ISO 1174, Cần tự động loại nhả tuýp bằng nút nhấn. Đảo chiều bằng lưỡi gạt. Thanh nối dài 125mm. Sản xuất tại Đức, đáp ứng chuẩn DIN 7422	ELORA	Bộ	2	
33	83292072	Bộ lực giác hệ mét	TWT-10 SIZE: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 12, 14, 17mm	TOP	Bộ	3	
34	83585061	Súng bơm mỡ bằng tay	YT-0704 Dung tích bình: 500ml Áp suất/áp lực: 1/31/2026 Dây dẫn: 2 dây, 1 nhỏ 1 lớn Vật liệu: Kim loại	YATO	Cái	4	
35	83242076	BỘ CỎ LÊ 2 ĐẦU MIỆNG 6-32MM	KINGTONY 1112MR – 12 CHI TIẾT SIZE: 6x7, 8x9, 10x11, 12x13, 14x15, 16x17, 18x19, 20x22, 21x23, 24x27, 25x28, 30x32 mm	Kingtony	Bộ	4	
36	83242097	Đầu chuyển từ 1/2" sang 3/4 inch. Đầu cái: 1/2 inch. Đầu đực: 3/4 inch	Model: 7902-3/4 Đầu cái: 1/2 inch Đầu đực: 3/4 inch. Đầu vuông đáp ứng tiêu chuẩn: DIN 3121, form F and G, ISO 1174 Tổng chiều dài: 50 mm. Trọng lượng: 162 g. Nhà sản xuất: ELORA Xuất xứ: Germany		Cái	2	
37	83242098	Đầu chuyển 3/4 sang 1 inch. đầu cái: 3/4 inch. Đầu đực: 1 inch	Model: 7912-1 Đầu cái: 3/4 inch Đầu đực: 1 inch. Đầu vuông đáp ứng tiêu chuẩn: DIN 3121, form F and G, ISO 1174 Tổng chiều dài: 62 mm. Trọng lượng: 340 g. Nhà sản xuất: ELORA Xuất xứ: Germany		Cái	2	
38	82553020	Kim phe trong mũi thẳng	Kim mở phe trong 19-60mm 383-J2 Elora Germany, mũi thẳng. Model: 383-J2. Đường kính phe trong có thể mở từ 19 đến 60mm. Chiều dài kim phe 180mm, tương đương 7 inch.	matadoor	Bộ	1	
39	83292073	Vạm cào thủy lực 20 tấn 3 châu YL-20T	20 tấn 3 châu YL-20T Hành trình 75 mm, Phạm vi mở rộng tối đa 200 mm, Chiều rộng vạm cào 350 mm	DBK	Bộ	2	

40	83444023	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 1 m		Sợi	4	Bao gồm kiểm định
41	83444058	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 1 m		Sợi	4	Bao gồm kiểm định
42	83444059	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 1 tấn x 1.5 m		Sợi	4	Bao gồm kiểm định
43	83444060	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 1.5 m		Sợi	4	Bao gồm kiểm định
44	83444061	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 1.5 m		Sợi	4	Bao gồm kiểm định
45	83444062	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 1 tấn x 2 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
46	83444024	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 2 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
47	83444063	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 2 m		Sợi	7	Bao gồm kiểm định
48	83444064	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 4 tấn x 2 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
49	83444065	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 5 tấn x 2 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
50	83444022	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 1 tấn x 3 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
51	83444066	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 3 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
52	83444038	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 3 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
53	83444039	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 4 tấn x 3 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
54	83444040	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 5 tấn x 3 m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
55	83444041	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 6 tấn x 3 m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
56	83444042	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 8 tấn x 3 m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
57	83444043	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 10 tấn x 3 m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
58	83444044	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 1 tấn x 4m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
59	83444045	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 4m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
60	83444067	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 4m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
61	83444068	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 4 tấn x 4m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
62	83444069	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 5 tấn x 4m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
63	83444047	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 6 tấn x 4m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
64	83444048	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 8 tấn x 4 m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
65	83444049	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 10 tấn x 4 m		Sợi	1	Bao gồm kiểm định
66	83444050	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 1 tấn x 5m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
67	83444051	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 2 tấn x 5m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
68	83444052	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 3 tấn x 5m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
69	83444053	Cáp vải	Cáp vải dệt hai đầu mắt 4 tấn x 5m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
70	83444002	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 1 tấn x1m	ADTECH	Sợi	2	Bao gồm kiểm định
71	83444054	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 3 tấn x1m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
72	83444055	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 4 tấn x1m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
73	83444056	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 5 tấn x 1m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
74	83444567	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 1 tấn x 2m	ADTECH	Sợi	2	Bao gồm kiểm định
75	83444004	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 2 tấn x 2m	ADTECH	Sợi	2	Bao gồm kiểm định

76	83444564	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 3 tấn x 2m	ADTECH	Sợi	2	Bao gồm kiểm định
77	83444028	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 4 tấn x 2m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
78	83444057	Cáp lụa tròn	Cáp lụa tròn dạng vòng tròn 5 tấn x 2m		Sợi	2	Bao gồm kiểm định
79	34906009	Cáp kết nối drehmo	Update firmware DIM01 Part No.: 384654		Cái	1	
80	39401017	Cáp Ugreen USB 2.0 to Mini USB (1.5M) (10385) Hỗ trợ tốc độ truyền dữ liệu lên đến 480Mbps	Tương thích 2.0 / 1.1 28 / 24AWG, Oxygen-Free Copper Ba che chắn để tăng cường chống nhiễu	Ugreen	Cái	2	
81	39401018	Cáp chuyển đổi	Bộ chuyển đổi USB sang RS232 (DB9) dài 3m Ugreen 20223 Được thiết kế cho các kết nối lý tưởng cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, modem hoặc thiết bị đầu cuối ISDN adapter; Hỗ trợ các giao diện nối tiếp RS232; Hỗ trợ chế độ bất tín hiệu tự động; Hỗ trợ tốc độ truyền dữ liệu 1Mbps; Hỗ trợ từ xa đánh thức và quản lý điện năng; 96 byte đệm cho mỗi dòng dữ liệu ngược và xuôi; Hỗ trợ ROM mặc định hoặc EEPROM bên ngoài để cấu hình thiết bị; Hỗ trợ Windows 98 / 98S / ME / 2000 / XP / Vista / 7 / Linux2.4.	Ugreen	Cái	2	
82	83242100	- Máy hàn que Jasic ZX7-300E M01X-004649 220V	- Máy hàn que Jasic ZX7-300E M01X-004649 220V Thông số kỹ thuật: Điện áp vào (V): AC220V±15%, 50Hz Công suất đầu ra (KVA): 9.5KVA Dòng điện ra (A): 20-300A Điện áp ra (V): 60 V Hiệu suất: 0,85 Trọng lượng (Kg): 14,5 Kg Sử dụng que hàn (mm): 2,5-5 mm Phụ kiện đi kèm: 2 giắc nối nhanh, dây hàn 30 mét, kim hàn, kim kẹp mát	Jasic	Bộ	3	
83	83242101	Máy hàn xách tay Hồng Ký HK250Z	HK250Z Hàn que 2.6-4.0 mm Nguồn đầu vào: 1 - Pha (220VAC ± 15%, 50/60Hz) Nguồn đầu ra định mức: 250A, 30V DC 20% tại 40 độ C Khoảng dòng hàn (A) trong chế độ nguồn hàn ổn định dòng (CC): 30-250A Điện áp không tải (V): 65V KW: Công suất đầu vào tối đa (KW) :7,5 Khối lượng (Kg): 6.5	Hồng Ký	Bộ	2	
84	34438005	Đồng hồ đo thứ tự pha	Máy đo thứ tự pha Megger PSI700A Thương hiệu megger Size:130x91x41 mm	megger	Cái	1	
85	83414007	Cầu móc động cơ	Cầu móc động cơ 2T Model: RDCM0002 Nhãn hiệu Ryder	Ryder	Cái	2	
86	51774045	Máy bơm dầu nhớt quay tay	Model: APP HP-1000 Công suất: 01 lít/ vòng Độ dài ống hút 1m Xuất xứ: Made in taiwan	APP	Cái	2	
87	51794020	Bơm dầu điện	Chất liệu: Thép mã kẽm - Chiều dài thân ống: 90 (cm) - Chiều rộng ống: 40mm - Công suất động cơ: 750-1000W - Lưu lượng bơm: 230 (Lit/ phút) - Điện áp sử dụng: 220V		Cái	2	

88	83202009	Máy bắt vít dùng pin	- Thương hiệu: Bosch - Xuất xứ: Malaysia - Mã sản phẩm: GDR 120-LI - Điện áp pin: 12V - Khả năng vận ốc / vít tối đa: M4 -M12 - Phụ kiện đi kèm: 2 pin 1,5Ah , 1 sạc GAL 1210 CV, valy nhựa, 1 mũi vít, bộ mũi khoan sắt		Bộ	2	
89	82538013	Súng gõ ri khí nén	- Áp lực khí nén 0.6 Mpa - Model DBK JEX-28 - Lưu lượng khí 0.35 m2/min - Cờ ống khí 3/8 inch - Trọng lượng 3.5 kg	DBK	Bộ	5	
90	83242104	Súng phun sơn w77-31G anestiwata Nhật Bản	- Tên model: W77-31G - Kiểu cốc: Sử dụng cốc trên - Dung tích cốc chứa sơn: 400ml, cốc nhôm - Áp suất khí: 0.29 Mpa - Lỗ phun: 1.3 Mm - Khí tiêu thụ: 85 Lit/phút - Lưu lượng chất lỏng: 155 Ml/phút - Khoảng cách phun: 200 mm - Độ rộng vết phun: 155 Mm - Đầu nối (khí, chất lỏng): G1/4 (PF1/4) - Trọng lượng: 450 gam		Cái	5	
91	83585077	Máy phun cát là thiết bị làm sạch bề mặt kim loại bằng khí nén	- Dung tích: 25 lít - Kích thước: Ø300×400 (mm) - Áp suất làm việc: 5-8kg/cm2 - Lưu lượng khí cần: 350l/phút - Trọng lượng: 20kg		Chiếc	1	
92	85001007	Panme đo ngoài	- Hãng sản xuất Mitutoyo - Model I104-135A - Xuất xứ Nhật Bản - Phạm vi đo 0 - 150mm - Độ chia 0.01mm - Ghi chú: 6 đầu đo, 5 trục chuẩn 25-125mm	Mitutoyo	Bộ	1	
93	86584054	Com pa đo trong	khoảng đo 300mm	Moore & Wright	Cái	1	
94	85572002	Đồng hồ so chân gấp	0-0.8mm/0.01 (513-404-10E) - Phạm vi đo: 0 - 0.8 mm - Độ chia: 0.01 mm - Độ chính xác: ±9 μm	Mitutoyo	Cái	2	
95	86514005	Nivo cân máy INSIZE 4903-150A	- Chiều dài : 150mm - Độ phân giải : 0.02mm/m	INSIZE	Cái	1	
96	83454008	Kích thủy lực lùn 30 tấn FPY-301	- Tải trọng lớn nhất: 30 tấn - Đường kính trong: 75mm - Đường kính ngoài: 123mm - Hành trình kích tối đa: 14mm - Trọng lượng: 4.6 kg - Chiều cao thân: 61mm		set	2	
97	83454010	KÍCH THỦY LỰC 50 TẤN 150MM	- Model: CM150N150 - Tải trọng 50 tấn - Hành trình 150mm - chiều cao lúc chưa làm việc 264mm - đường kính ngoài 127mm - đường kính piston 80mm - trọng lượng 20.8kg	EUROPRESS	set	2	

98	83292068	Bộ cào thủy lực 3 chấu	Lực ngõ ra định mức: 30 tấn - Hành trình piston: 80 mm - Chiều sâu (thẳng đứng): 250 mm - Đường kính ngoài tối đa: 400 mm - Hãng sản xuất: CENTURY - Model: LU-CTHL-30T	CENTURY	Bộ	2	
99	85590009	Thước cặp điện tử	Model: 500-182-30 - Phạm vi đo: 200mm - Độ chính xác: ±0.02mm	Mitutoyo	Cái	1	
100	83242106	Đầu chuyển đổi (Hex reducer)	HR 8 90- 85 mm		Cái	1	
101	83242107	Đầu chuyển đổi (Hex reducer)	HR 8 80- 70 mm		Cái	1	
102	83242108	Đầu chuyển đổi (Hex reducer)	HR 8 80- 65 mm		Cái	1	
103	83242110	Đầu chuyển đổi (Hex reducer)	HR 8 60- 55 mm		Cái	1	
104	83404017	Pa lăng xích kéo tay (Tải trọng 1 tấn, chiều cao nâng 1m)	Tải trọng 1 tấn, chiều cao nâng 1m	DaeSan	Cái	1	Bao gồm kiểm định
105	83404018	Pa lăng xích kéo tay (Tải trọng 1 tấn, chiều cao nâng 3 m)	Tải trọng 1 tấn, chiều cao nâng 3 m		Cái	1	Bao gồm kiểm định
106	83404008	Pa lăng xích lắc tay (Tải trọng 1.5 tấn, chiều cao nâng 1.5 m)	Tải trọng 1.5 tấn, chiều cao nâng 1.5 m	Nitto	Cái	1	Bao gồm kiểm định
107	34906001	Dây kết nối hart	Mã Sp: Emerson TREX-0004-0001	Emerson	Bộ	3	
108	34906002	Dây kết nối hart 475	Handheld Field Communicator Lead for Rosemount/Emerson Hart 275/375 / 475/388...	Emerson	Bộ	3	
109	83585016	Máy đo lỗ	Áp suất khí (MPa - kgf/cm ²): 0,6 (6) Lượng khí tiêu thụ (Không tải) (m ³ /phút): 0,22 Đường kính lỗ gờ (mm): 3 đến 34 Kích thước chuỗi vít cạnh (mm): 6, 8, 10, 12 Phụ kiện đi kèm: Đầu kẹp 6mm Đầu kẹp 8mm Đầu kẹp 10mm (Đã lắp đặt) Vòng treo Cờ lê lục giác 2.5 mm Bushing R 1/8 x NPT 1/4		Bộ	1	
110	83585017	MÁY MÀI GÓC DÙNG PIN	Điện áp pin 18V Tốc độ không tải 8500 RPM Đường kính đĩa 100 mm Chiều dài 322.8 mm Chiều cao 102.9 mm Trọng lượng kèm pin 2.6 Kg (pin 5.0Ah) Trọn bộ gồm: 2 pin + 1 sạc	Milwaukee	Cái	1	

Phụ lục 2: tài sản cố định phục vụ sản xuất- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số 217/NMĐTĐ2 - KTATMT ngày 05 tháng 02 năm 2026)

Stt	Mã chuẩn hóa	Tên vật tư/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Thông số kỹ thuật (theo Ecat)	Nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	86584056	Thiết bị kiểm tra khuyết tật siêu âm	Thiết bị kiểm tra khuyết tật siêu âm thông minh thế hệ mới tích hợp sẵn DAC/TCG, DGS, AWS D1.1/ D1.5, API -Tích năng tích hợp: Timed B-scan/ C-scan; Encoded B-Scan/ C-scan; Analog Out; Phantom PRF; Remote Calibration; Third Gate / IF Gate; Customizable Filter; USM Enrich - iOS App; M.PC Live; Waveform Averaging; Apps on device unlimited -Kích thước máy: 216 mm x 138 mm x 60 mm -Khối lượng: 1.2 kg (bao gồm 2 pin) -Màn hình màu cảm ứng 1024 x 600 Pixel và nút bấm (cả mặt trước và mặt sau thiết bị) -Vận tốc âm: 250 đến 16,000m/s (bước 1m/s) -Dải đo (trong thép): 3 -> 15,000mm -Độ phân giải 0.01mm -Tần số xung lặp lại (PRF): 10-> 2000 Hz với 3 chế độ tự động -Dải Tần số: 0.2 đến 30MHz (-3dB) -Độ khuếch đại kỹ thuật số: 0->110dB, bước điều chỉnh 0.2 dB -Chức năng xung vuông (SWP), điện áp từ 50 đến 350V với độ rộng xung có thể điều chỉnh 40-> 2500ns ((bước 5 ns) -Tích năng Hiệu chuẩn 2 điểm tự động có hướng dẫn trực quan -Hiện thị giá trị A-scan tối đa: 400% -Lưu trữ dữ liệu dạng bảng 3000x3000 điểm có thể mã hoá màu bao gồm A-Scan -Bộ nhớ trong 32 GB (có thể sử dụng thêm bộ nhớ ngoài USB- nếu cần). Hỗ trợ Advanced Data Recorder -Hỗ trợ tạo Không giới hạn profile ứng dụng trên màn hình chính (Apps on device unlimited) -Kết nối dữ liệu: +Có thể Kết nối máy tính không dây qua mạng LAN -Phân tích và quản lý dữ liệu trên máy tính bằng phần mềm USM 100 PC -Xây dựng và tạo quy trình trên máy tính bằng phần mềm Mentor Create -Phù hợp tiêu chuẩn kiểm tra siêu âm: ISO 22232-1 Bộ bao gồm: Máy chính, vali, Bộ nguồn/ sạc, 2 Pin sạc Li-ion, 1 pin sạc Li-Ion lắp cố định trong máy; Chất tiếp âm, Hướng dẫn SD và phần mềm trong USB flash drive 64 Gb Gồm các phụ kiện kèm theo đầu dò thẳng kép 10mm, 4Mhz , góc 45,60,70 độ Đầu dò DA512 Dây cáp, Mẫu chuẩn, sạc...)	MEASURING EQUIPMENT PART NUMBER: N/A MODEL: USM 100 Pro Iemo TYPE: N/A SIZE: 216 mm x 138 mm x 60 mm RANGE: -Dải đo (trong thép): 3 -> 15,000mm ADDITIONAL INFORMATION: Gồm các phụ kiện kèm theo đầu dò thẳng kép 10mm, 4Mhz , góc 45,60,70 độ Đầu dò DA512 Dây cáp, Mẫu chuẩn, sạc...)	Waygate Technologies	Bộ	1	
2	87126005	Tủ sấy động cơ điện	Tủ sấy động cơ điện Nguồn điện: 380V/50 Hz Hệ thống gia nhiệt: Điện trở đốt bằng bóng đèn Helogen : P = 24 KW Số buồng sấy: 01 buồng Nhiệt độ trong buồng 40°C ÷ 150°C" Kích thước tủ sấy (DxRxH): 2350x1100x2250 mm Kích thước vận hành (DxRxH): 1740x1050x1750 mm Có gioăng làm kín, vỏ bằng inox dày Có con lăn để đẩy động cơ, có giá đỡ động cơ	METER; DC VOLTAGE AND RESISTANCE TYPE: Kích thước tủ sấy (DxRxH): 2350x1100x2250 mm, kích thước vận hành (DxRxH): 1740x1050x1750 mm CURRENT DC: N/A CURRENT AC: N/A VOLTAGE DC: N/A VOLTAGE AC: N/A OHMS: N/A DISPLAY: N/A ACCURACY: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Có gioăng làm kín, vỏ bằng inox dày Có con lăn để đẩy động cơ, có giá đỡ động cơ		Cái	1	



3	87565002	Máy kiểm tra relay 1 pha	Bộ kiểm tra relay - Megger Sverker 750 Thương hiệu Megger	METER; ELECTRICAL TESTING TYPE: Relay tester MODEL/PART NUMBER: Sverker 750 VOLTAGE RATING: 115 / 230 V AC, 50 / 60 Hz VOLTAGE CONTROL: See Manual CURRENT RATING: See Manual NUMBER OF CONTACTS: N/A BREAKING CAPACITY: N/A MANUFACTURER: Megger	Megger	Bộ	1	
4	83242111	Tool Rotork	Actuator setting tool pro (loại màu xanh)	HAND TOOLS MODEL: N/A TYPE: loại màu xanh SIZE: N/A MANUFACTURER: Rotork VOLTAGE RATING: N/A ADDITIONAL INFORMATION: IQ/PRO-SETTING.TOOL	Rotork	Cái	3	
5	86584057	Máy phân tích nhiễu từ trường	Máy phân tích đo nhiễu từ trường (EMI) Aaronia NF-3020 (5.000V/m, 10Hz – 400kHz) Tần số : 10Hz ~ 400kHz Đo từ trường (T) : 1pT ~ 100μT Đo từ trường (G) : 100μG to 1G Đo điện trường : 1V/m ~ 5V/m Đầu vào tương tự : 2μV ~ 200mV Độ phân giải : 1hz ~ 100khz Đơn vị : V, V/m, T, G, A/m Phát hiện : RMS Tách sóng : AM Âm thanh : Jack 2.5mm Đầu vào : Trở kháng cao Độ chính xác : 5% Giao tiếp : USB 2.0 / 1.1	MEASURING EQUIPMENT PART NUMBER: N/A MODEL: Aaronia NF-3020 TYPE: N/A SIZE: N/A RANGE: 10Hz to 400kHz ADDITIONAL INFORMATION: AARONIA; Độ chính xác : 5%; Giao tiếp: USB 2.0 / 1.1;	AARONIA	Bộ	1	
6	83242112	Bộ kit kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị đo độ rung (Dạng accelerometer, Velometer..)	Model: AT 2040 và phụ kiện đi kèm Nhà sản xuất: Agate technology	HAND TOOLS MODEL: AT-2040 và phụ kiện đi kèm TYPE: N/A SIZE: N/A MANUFACTURER: Agate Technology ADDITIONAL INFORMATION: Bộ kit kiểm tra, Hiệu chỉnh thiết bị đo độ rung (Dạng accelerometer, Velometer..)	Agate technology	Bộ	1	
7	41841003	Container 20 feet	Container 20 feet	BLOCK; MACHINING TYPE: 20 feet (DC) MATERIAL: N/A ADDITIONAL INFORMATION: Chiều dài 6.058m, chiều rộng 2.438m và chiều cao 2.591m		Cái	1	



Phụ lục 3: công cụ dụng cụ, phương tiện Phòng cháy chữa cháy - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số 217 /NMDTB2 - KTATMT ngày 05 tháng 02 năm 2026)

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I CCDC chữa cháy						
1	48840008	Cuộn vòi chữa cháy D50	Kích thước: - Đường kính: 50mm - Chiều dài: 20m Chất liệu: - Vó: Polyester filament - Lớp lót: PVC chất lượng cao Áp suất: - Áp suất làm việc: ≥ 1.3 MPa - Áp suất thử: ≥ 1.7 MPa Khớp nối: - Loại khớp nối: D50 - Chất liệu: Nhôm hợp kim Khối lượng: - Khối lượng cuộn vòi: ≥ 8.2 kg - Khối lượng khớp nối: ≥ 0.8 kg	Cuộn	20	
2	48840003	Cuộn vòi chữa cháy D65	Kích thước: - Đường kính: 65mm - Chiều dài: 20m Chất liệu: - Vó: Polyester filament - Lớp lót: PVC chất lượng cao Áp suất: - Áp suất làm việc: ≥ 1.3 MPa - Áp suất thử: ≥ 1.7 MPa Khớp nối: - Loại khớp nối: D65 - Chất liệu: Nhôm hợp kim Khối lượng: - Khối lượng cuộn vòi: ≥ 8.2 kg - Khối lượng khớp nối: ≥ 0.8 kg	Cuộn	30	
3	80112103	Lăng phun D50	-Chất liệu hợp kim nhôm -Lắp đồng bộ với D50 -Tiết diện đầu phun 13mm - Lăng phun chữa cháy D50 được thiết kế để đồng bộ với vòi chữa cháy có đường kính Ø50. Tiết diện nhỏ dần đều về phía đầu phun giúp tăng áp suất phun nước cực mạnh.	Cái	10	
4	80112002	Lăng phun D65	-Chất liệu hợp kim nhôm -Lắp đồng bộ với D65 -Tiết diện đầu phun 13mm - Lăng phun chữa cháy D65 được thiết kế để đồng bộ với vòi chữa cháy có đường kính Ø65. Tiết diện nhỏ dần đều về phía đầu phun giúp tăng áp suất phun nước cực mạnh.	Cái	20	
5	48228036	Khớp nối ren trong D50	-Chất liệu hợp kim nhôm -Lắp đồng bộ van, vòi D50	Cái	20	
6	48228034	Khớp nối ren trong D65	-Chất liệu hợp kim nhôm -Lắp đồng bộ van, vòi D65	Cái	0	
7	89090007	Mua bột sung Bình chữa cháy (loại 9kg)	Loại: bột ABC Trọng lượng chữa cháy : 9Kg	Bình	50	
8	51335157	Van góc D50	Van góc chữa cháy D50 có thân làm bằng gang, trục van bằng thép, có độ bền cao, kích thước nhỏ gọn, dễ vận chuyển. Thông số kỹ thuật: - Sản xuất theo tiêu chuẩn: TCVN 5739:1993 và 6379:1998 - Thân van: bằng thép hoặc gang - Trục van: bằng đồng hoặc thép mạ kẽm - Đầu van: được bọc cao su đảm bảo tuổi thọ làm việc cao, chống rò rỉ - Tay vận: được sơn phản quang dễ nhận biết, thao tác - Đường kính: 50cm - Áp suất làm việc: PN10-PN16 - Nhiệt độ làm việc: 10-80 độ C - Trọng lượng: ≥ 1.8 kg	Cái	20	
9	51335155	Van góc D65	Van góc chữa cháy D65 có thân làm bằng gang, trục van bằng thép, có độ bền cao, kích thước nhỏ gọn, dễ vận chuyển. Thông số kỹ thuật: - Sản xuất theo tiêu chuẩn: TCVN 5739:1993 và 6379:1998 - Thân van: bằng thép hoặc gang - Trục van: bằng đồng hoặc thép mạ kẽm - Đầu van: được bọc cao su đảm bảo tuổi thọ làm việc cao, chống rò rỉ - Tay vận: được sơn phản quang dễ nhận biết, thao tác - Đường kính: 65cm - Áp suất làm việc: PN10-PN16 - Nhiệt độ làm việc: 10-80 độ C - Trọng lượng: ≥ 1.8 kg	Cái	40	

10	49080101	Phiếu kiểm tra bình chữa cháy	- Kích thước (rộng x cao x dày): 10x15x0.5cm - Vật liệu: mica - Mục đích: Lưu lịch sử kiểm tra định kỳ bình chữa cháy	Cái	150	
11	16270001	Foam	Bọt chữa cháy 3% Unifoam được kiểm nghiệm và đáp ứng tiêu chuẩn sau: TCVN 7278: 2003 Đựng trong thùng (200L)	Lít	800	
II Dịch vụ nạp bình chữa cháy						
1		Nạp lại Bình chữa cháy (loại 9kg)	Loại: bột ABC Trọng lượng chữa cháy : 9Kg	Bình	30	
2		Nạp lại Bình chữa cháy (loại 10kg)	Loại: bột ABC Trọng lượng chữa cháy : 10Kg	Bình	30	
3		Nạp lại Bình chữa cháy (loại 24kg)	Loại: khí CO2 Trọng lượng chữa cháy : 24Kg	Bình	10	

